

Bản án số: 132/2024/HSST

Ngày: 20/9/2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HOÀI ĐỨC, THÀNH PHỐ HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Quản Việt Phương

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Vũ Nguyên Lâm;

Bà Nguyễn Thị Lan.

-Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Sinh – Thư ký TAND huyện Hoài Đức, thành phố Hà Nội.

-Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hoài Đức, thành phố Hà Nội tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Tiến Việt - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 9 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hoài Đức, Thành phố Hà Nội đã xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số 127/2024/HSST ngày 19/8/2024, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 56/2024/QĐXXST-HS ngày 27 tháng 8 năm 2024; theo Thông báo về việc thay đổi lịch phiên tòa số 04/2024/TB-TA ngày 05 tháng 9 năm 2024; đối với bị cáo:

Họ và tên: **Bùi Thị T**; Tên gọi khác: Không; Sinh năm 1981, tại Thái Bình; Nơi ĐKTT và chỗ ở: 19/200/10/3 Nguyễn Sơn, Tổ 22, Bờ Đề, Long Biên, Hà Nội; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 12/12; Con ông: Bùi Xuân Tiến; Sinh năm 1953; Con bà: Ngô Thị Quỳnh; Sinh năm 1952; Gia đình bị cáo có 4 chị em, bị cáo là con thứ ba; Chồng: Phạm Xuân Kiên (đã ly hôn); Con: Bị cáo có 02 con, con lớn nhất sinh năm 2006, con nhỏ nhất sinh năm 2011; Tiền án, Tiền sự: Không; Nhân thân: Tại Bản án số 589 ngày 21/07/2023, Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội xử phạt Bùi Thị T 03 năm 06 tháng tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” (Tưởng chưa chấp hành án). Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 22/5/2024. Hiện đang bị áp dụng biện pháp tạm giam tại Trại tạm giam số 1 - Công an thành phố Hà Nội. (Có mặt).

- Người bị hại:

Ông Dương Tuấn Ngọc, sinh năm 1964; Trú tại: thôn 4, xã Yên Sở, huyện Hoài Đức, thành phố Hà Nội. (Có mặt).

- Người làm chứng:

Bà Nguyễn Thị Thảo, sinh năm 1968; Trú tại: thôn 4, xã Yên Sở, huyện Hoài Đức, thành phố Hà Nội. (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng tháng 6/2019, ông Dương Tuấn Ngọc (SN: 1964, HKTT: Thôn 4, xã Yên Sở, huyện Hoài Đức, TP Hà Nội) được người thân giới thiệu và làm quen với Bùi Thị T để xin việc làm cho con gái là Dương Thị Vân Anh (SN: 1994). Sau khi Tưởng xin được việc làm cho chị Vân Anh, đến khoảng tháng 12/2019, Tưởng nói với ông Ngọc có khả năng xin cho con trai ông Ngọc là Dương Tuấn Tùng (SN: 1989) vào làm “kỹ thuật quản lý bay” ở sân bay Nội Bài với chi phí khoảng 270.000.000 đồng (Hai trăm bảy mươi triệu đồng). Do đã nhờ Tưởng xin được việc cho con gái trước đó nên ông Ngọc tin tưởng và đồng ý. Sau đó, vào các ngày 13, 14 và 16/12/2019, Tưởng đến nhà ông Ngọc và yêu cầu ông Ngọc đưa cho Tưởng lần lượt các số tiền là 80.000.000 đồng (Tám mươi triệu đồng), 20.000.000 đồng (Hai mươi triệu đồng), 50.000.000 đồng (Năm mươi triệu đồng) để lo xin việc. Lần cuối cùng vào ngày 31/12/2019, Tưởng đến nhà ông Ngọc yêu cầu đưa số tiền 170.000.000 đồng (Một trăm bảy mươi triệu đồng) để lo nốt việc rồi hẹn vài hôm sau con trai ông Ngọc sẽ được đi làm nên ông Ngọc đồng ý đưa tiền cho Tưởng. Tổng số tiền ông Ngọc đã đưa cho Tưởng là 320.000.000 đồng (Ba trăm hai mươi triệu đồng), khi giao tiền Tưởng đều viết giấy biên nhận và giấy cam kết với nội dung: “*Có nhận của anh Nguyễn Tuấn Ngọc, CMT số 001064006723 tại địa chỉ Đội 4 Yên Sở, Hoài Đức, Hà Nội số tiền 80.000.000đ để lo đặt cọc cho Dương Tuấn Tùng vào vị trí kỹ thuật quản lý bay, ngày 14/12/2019 nhận tiếp 20.000.000đ, ngày 16/12/2019 Tưởng nhận 50.000.000đ, giấy cam kết với nội dung: “Có nhận của anh Nguyễn Tuấn Ngọc, CMT số 001064006723 tại địa chỉ Đội 4 Yên Sở, Hoài Đức, Hà Nội số tiền 170.000.000đ trọn gói cho cháu Tùng vào kỹ thuật quản lý bay”* (Các lần giao tiền cho Tưởng đều có mặt ông Ngọc và vợ ông Ngọc là bà Nguyễn Thị Thảo). Tuy nhiên, sau một thời gian dài không thấy Tưởng xin được việc làm cho con trai nên ông Ngọc nhiều lần gọi điện cho Tưởng nhưng đều không liên lạc được, tìm theo địa chỉ đến nhà Tưởng thì ông Ngọc được biết Tưởng đã bán nhà và chuyển đi đâu không rõ. Nhận thấy mình bị lừa đảo chiếm đoạt tài sản nên ngày 26/10/2021 ông Ngọc đã đến Công an xã Yên Sở trình báo sự việc trên.

Vật chứng thu giữ: 01 Giấy biên nhận viết tay mặt trước đề ngày 13 và 14/12/2019 có chữ ký và chữ viết đứng tên Bùi Thị T; mặt sau đề ngày 16/12/2019 có chữ ký và chữ viết đứng tên Bùi Thị T và 01 (một) Giấy cam kết viết tay đề ngày 31/12/2019 có chữ ký và chữ viết đứng tên Bùi Thị T (do ông Dương Tuấn

Ngọc giao nộp); 01 (một) Phụ lục hợp đồng lao động số 5998/QLB ngày 25/11/2016 giữa Tổng Công ty quản lý bay Việt Nam với Bùi Thị T (*do Công ty quản lý bay Việt Nam cung cấp*).

Ngày 21/01/2022, Cơ quan điều tra ra Quyết định trưng cầu Viện Khoa học hình sự - Bộ Công an giám định chữ ký, chữ viết của Bùi Thị T.

Tại Bản kết luận giám định số 567/KL- KTHS ngày 29/4/2022 của Viện khoa học hình sự Bộ Công an. Kết luận: “Chữ ký, chữ viết đứng tên Bùi Thị T dưới các chữ “Hà Nội, ngày 13/12/2019”, dưới các chữ “Tuồng nhận 50.000.000đ (Năm mươi triệu)”, chữ ký dưới các chữ “Ngày 14/12/2019” trên mẫu cần giám định ký hiệu A1 (Giấy biên nhận) và chữ ký, chữ viết dưới các chữ “Hà Nội Ngày 31/12/2019” trên mẫu cần giám định ký hiệu A2 (Giấy cam kết) so với chữ ký, chữ viết của Bùi Thị T trên mẫu so sánh ký hiệu M (Phụ lục hợp đồng lao động) *do cùng một người ký và viết ra*”.

Ngày 10/12/2021, Cơ quan điều tra có Công văn số 15 đề nghị Tổng công ty quản lý bay Việt Nam cung cấp thông tin liên quan đến Bùi Thị T. Ngày 05/01/2022, Tổng công ty quản lý bay Việt Nam có công văn số 18 phúc đáp với nội dung chính như sau: “Bùi Thị T đã chấm dứt hợp đồng lao động với Tổng công ty quản lý bay Việt Nam kể từ ngày 01/4/2020, đồng thời Tuồng không có chức năng, nhiệm vụ tiếp nhận người vào làm việc tại Tổng công ty hoặc các đơn vị trực thuộc. Từ cuối năm 2019 đến nay, Tổng công ty quản lý bay Việt Nam và các đơn vị trực thuộc không tiếp nhận hồ sơ tuyển dụng nào của Dương Tuấn Tùng (SN: 1989, HKTT ở thôn 4, xã Yên Sở, Hoài Đức, Hà Nội)”.

Quá trình điều tra Bùi Thị T khai: Số tiền 320.000.000 đồng, Tuồng nhận của ông Dương Tuấn Ngọc, thì Tuồng đã đưa cho người phụ nữ tên Thảo (không rõ nhân thân lai lịch) số tiền 270.000.000 đồng (Hai trăm bảy mươi triệu đồng) để nhờ Thảo xin việc cho Tùng vào làm “kỹ thuật quản lý bay” ở sân bay Nội Bài, còn lại số tiền 50.000.000 đồng (năm mươi triệu đồng) Tuồng đã tiêu xài cá nhân hết, việc giao nhận không có giấy tờ, không có ai làm chứng. Cơ quan điều tra đã tiến hành xác minh nhưng không có đủ cơ sở xác định có ai là Thảo hay không. Ngoài lời khai của Tuồng không có tài liệu chứng cứ nào khác thể hiện việc Tuồng đã đưa tiền cho người có tên là Thảo. Do vậy, việc Tuồng khai nhận đưa tiền cho người có tên Thảo là không có căn cứ.

Về xử lý vật chứng: Ngày 09/12/2022 Cơ quan điều tra ra Quyết định xử lý tài sản, đồ vật, tài liệu bằng hình thức: Trao trả 01 Giấy biên nhận viết tay mặt trước đề ngày 13 và 14/12/2019 và 01 Giấy cam kết viết tay đề ngày 31/12/2019 có chữ ký và chữ viết đứng tên Bùi Thị T cho ông Dương Tuấn Ngọc; Trả 01 Phụ

lục hợp đồng lao động số 5998/QLB ngày 25/11/2016 giữa Tổng Công ty quản lý bay Việt Nam với Bùi Thị T cho Tổng Công ty quản lý bay Việt Nam.

Về trách nhiệm dân sự: Ông Dương Tuấn Ngọc yêu cầu Bùi Thị T trả lại cho ông Ngọc số tiền 320.000.000 đồng. Hiện bị cáo chưa bồi thường gì cho ông Ngọc.

Quá trình điều tra vụ án, Bùi Thị T đã khai nhận hành vi phạm tội của mình như đã nêu trên. Lời khai của bị can phù hợp với lời khai của người bị hại, người liên quan, vật chứng đã thu giữ, kết luận giám định và các tài liệu, chứng cứ khác đã thu thập được trong quá trình điều tra vụ án.

Tại bản cáo trạng số 119/CT-VKS ngày 15/8/2024, Viện kiểm sát nhân dân huyện Hoài Đức đã truy tố bị cáo Bùi Thị T về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo quy định tại điểm a khoản 3 Điều 174 Bộ luật hình sự.

Tại phiên toà, bị cáo khai nhận như đã khai tại Cơ quan điều tra và thừa nhận hành vi phạm tội đúng như bản cáo trạng đã truy tố, chị gái bị cáo là chị Bùi Thị Quyên đã bồi thường cho bị hại 100.000.000 đồng. Người bị hại đã nhận 100.000.000 đồng và có yêu cầu xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hoài Đức giữ nguyên quan điểm truy tố và đề nghị áp dụng điểm a khoản 3 Điều 174; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 56; Điều 38 Bộ luật hình sự;

Đề nghị xử phạt bị cáo Nguyễn Thị Tường từ 8 năm 6 tháng tù đến 9 năm 6 tháng tù về tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản. Tổng hợp với mức hình phạt 03 năm 06 tháng tù tại Tại Bản án số 589 ngày 21/07/2023, Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội xử phạt Bùi Thị T về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”. Buộc bị cáo phải chấp hành chung cho cả hai bản án là 12 năm đến 13 năm tù.

Về dân sự: Buộc bị cáo phải bồi thường cho ông Dương Tuấn Ngọc số tiền còn chiếm đoạt là 220.000.000 đồng (*Hai trăm hai mươi triệu đồng*).

- Về xử lý vật chứng: Không

- Về hình phạt bổ sung: Không.

- Bị cáo phải nộp án phí hình sự sơ và dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Lời nói sau cùng của bị cáo: Bị cáo thành khẩn khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội, ăn năn hối hận và đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ mức hình phạt cho bị cáo để có cơ hội sửa chữa, tái hoà nhập cộng đồng, là người có ích cho gia đình và xã hội.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, Quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Hoài Đức, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Hoài Đức, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về tội danh: Xét lời khai nhận của bị cáo Bùi Thị T tại phiên toà, phù hợp với lời khai tại Cơ quan điều tra, lời khai của Người bị hại, cùng các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ và nội dung Bản cáo trạng đã truy tố, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận: Bùi Thị T không có chức năng, nhiệm vụ quyền hạn gì liên quan đến việc tiếp nhận, xét tuyển dụng người vào làm việc tại Tổng công ty quản lý bay Việt Nam hoặc các đơn vị trực thuộc, nhưng Tưởng đã dùng thủ đoạn gian dối bằng cách hứa hẹn và nhận tiền của anh Dương Tuấn Ngọc để xin việc cho anh Dương Tuấn Tùng (là con trai anh Ngọc) vào làm “kỹ thuật quản lý bay” ở sân bay Nội Bài. Do tin tưởng, nên ngày 13, 14, 16 và 31/12/2019 tại thôn 4, xã Yên Sở, huyện Hoài Đức, TP Hà Nội, ông Ngọc đã đưa cho Tưởng tổng số tiền **320.000.000 đồng** (Ba trăm hai mươi triệu đồng). Sau khi nhận tiền của anh Ngọc, Bùi Thị T đã chiếm đoạt toàn bộ số tiền trên mà không làm thủ tục gì nộp hồ sơ xin việc với Cơ quan có thẩm quyền. Anh Dương Tuấn Ngọc nhiều lần yêu cầu Tưởng trả tiền nhưng Tưởng không trả.

Hành vi của bị cáo Bùi Thị T đã đủ yếu tố cấu thành tội Lừa đảo chiếm tài sản theo quy định tại điểm a khoản 3 Điều 174 Bộ luật hình sự như Bản cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Hoài Đức truy tố đối với bị cáo là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3] Nhận xét về nhân thân và lượng hình đối với bị cáo: Bị cáo là người có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ, xâm phạm trật tự an toàn xã hội. Bị cáo nhận thức được hành vi Lừa đảo chiếm đoạt tài sản là vi phạm pháp luật, song vẫn cố tình phạm tội. Nên phải có mức hình phạt tương xứng với hành vi phạm tội của bị cáo mới có tác dụng giáo dục, cải tạo

bị cáo và phòng ngừa chung. Khi lượng hình, Hội đồng xét xử xem xét đối với bị cáo:

Nhân thân: Tại Bản án số 589 ngày 21/07/2023, Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội xử phạt Bùi Thị T 03 năm 06 tháng tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” (Tuồng chưa chấp hành án).

* *Tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự*: Bị cáo được áp dụng tình tiết giảm nhẹ “Người phạm tội thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải” quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Tại phiên toà gia định bị cáo bồi thường cho bị hại 100.000.000 đồng, bị hại yêu cầu xin giảm hình phạt cho bị cáo nên bị cáo được hưởng thêm điểm b khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

* *Tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự*: Không.

[4] Về dân sự; Xử lý vật chứng; Hình phạt bổ sung:

- Về xử lý vật chứng: Không

- Về tránh nhiệm dân sự: Ghi nhận chị Bùi Thị Quyên là chị gái bị cáo đã khắc phục thay cho bị cáo 100.000.000 đồng cho Người bị hại. Buộc bị cáo còn phải bồi thường cho ông Dương Tuấn Ngọc số tiền 220.000.000 đồng (*Ba trăm hai mươi triệu đồng*).

- Về hình phạt bổ sung: Xét bị cáo không có nghề nghiệp ổn định, không có khả năng thi hành hình phạt bổ sung bằng tiền nên không áp dụng hình phạt bổ sung quy định tại khoản 5 Điều 174 Bộ luật hình sự.

[5] Về án phí: Bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm và 11.000.000 đồng (mười một triệu đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

[6] Về quyền kháng cáo: Bị cáo, Người bị hại có quyền kháng cáo Bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Tuyên bố: Bị cáo **Bùi Thị T** phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

Căn cứ: điểm a khoản 3 Điều 174; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38; Điều 56 Bộ luật hình sự.

Xử phạt: Bị cáo **Bùi Thị T 08 (tám) năm 06 (sáu) tháng** tù. Tổng hợp với mức hình phạt 03 năm 06 tháng tù tại Bản án số 589 ngày 21/07/2023, Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội xử phạt Bùi Thị T về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”. Buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung cho cả hai bản án là **12 (mười hai) năm tù**. Thời hạn tù tính từ ngày 22/5/2024. Được trừ thời gian tạm giam từ ngày 27/5/2022 đến 27/9/2022.

Căn cứ: khoản 2 Điều 136, Điều 331, Điều 333, Điều 337 Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án.

- Về xử lý vật chứng: Không
- Về tránh nhiệm dân sự: Buộc bị cáo phải bồi thường cho ông Dương Tuấn Ngọc số tiền 220.000.000 đồng (*Hai trăm hai mươi triệu đồng*).
- Về hình phạt bổ sung: Không áp dụng hình phạt bổ sung.
- Bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm và 11.000.000 đồng (mười một triệu đồng) án phí dân sự sơ thẩm.
- Bị cáo, Người bị hại có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án có hiệu lực pháp luật và có đơn yêu cầu thi hành án của ông Dương Tuấn Ngọc, nếu bị cáo Từng chậm trả khoản tiền nêu trên thì phải trả khoản tiền lãi theo quy định tại Điều 468 của Bộ luật Dân sự tương ứng với thời gian chậm trả.

Trường hợp bản án có hiệu lực pháp luật được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

HỘI THẨM NHÂN DÂN

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

QUẢN VIỆT PHƯƠNG

Nơi nhận:

- TAND thành phố Hà Nội;
- VKSND thành phố Hà Nội;
- VKSND huyện Hoài Đức;
- Công an huyện Hoài Đức;
- Chi cục THADS huyện Hoài Đức;
- Bị cáo;
- Lưu HSVA, VPTA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

QUẢN VIỆT PHƯƠNG